TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **158**/2026/HC-PT
Ngày: 08 /5/2026
V/v: " Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai ".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa - Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông Trần Viết Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 244/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2025 về "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 195/2025/HCST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 846/2026/QĐ-PT ngày 21/4/2026, giữa:

- Người khởi kiện:

+ Bà Phạm Thị Đ – sinh năm: 1953;

+ Ông Trần Văn N - sinh năm: 1952;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là Tổ dân phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đỗ Kiều K, sinh năm 1999. Địa chỉ: A A, phường N, TP Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Đ: Ông Hoàng Cao S - Luật sư Công ty L Luật. Địa chỉ: A A, phường N, thành phố Hồ Chí Minh.

***- Người bị kiện*:** Ủy ban nhân TP B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Quang T1 - Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Buôn M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Buôn M.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn N và người bị kiện là chủ tịch UBND phường T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt:

Phía người khởi kiện trình bày:

Ngày 9/11/1987, ông Trần Văn N có chuyển nhượng nhà, đất và hoa màu của ông Nguyễn Văn T2 là hộ có quyền sử dụng đất trước năm 1975 với chiều dài thửa đất là 65m^2 và chiều ngang 15,5m^2 tọa lạc tại xã H nay là đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá là 120.000 đồng và đóng thuế sang nhượng với số tiền 12.000 đồng (có biên lai đóng thuế ngày 9/11/1987), việc chuyển nhượng này đã được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã B chứng thực.

Ông N và bà Đ sinh sống ổn định trên phần đất trên, không tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước từ năm 1987 đến nay.

Vào năm 1997, vợ chồng ông Trần Văn N và bà Phạm Thị Đ đã sửa chữa lại nhà và trồng cây trên mảnh đất này.

Ngày 12/6/2002, gia đình bà Đ chuyển nhượng một phần thửa đất cho bà Trần Thị H với diện tích 162m^2.

Năm 2005, phần diện tích đất trên của gia đình bà Đ và ông N được thể hiện cụ thể và rõ ràng theo Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B còn diện tích 715,7m^2.

Ngày 27/5/2009, hộ bà Phạm Thị Đ được UBND thành phố B công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: H-04915, mang tên hộ bà Phạm Thị Đ với diện tích 564,2m^2, trong đó có 200m^2 đất ở tại đô thị và 364,2m^2 đất trồng cây lâu năm, trong đó có 151,5m^2

đất không được công nhận quyền sử dụng đất do nằm trong chỉ giới quy hoạch đường P. Diện tích đất sau khi được cấp giấy chứng nhận giảm đi so với thực tế đo đạc. Đồng thời, sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không thể hiện phần đất của hộ gia đình bà Đ nằm trong chỉ giới quy hoạch đường P.

Diện tích đất 151,5m^2 trong chỉ giới quy hoạch đường P của hộ gia đình bà Đ nằm trong chỉ giới quy hoạch bị cắt bỏ không lý do.

Đến năm 2018, gia đình bà Đào T3 cho bà Thúy T4 166,5m^2. Trong đó có 40m^2 đất ở, 126,5m^2 đất trồng cây lâu năm. Ngoài ra, còn một phần diện tích đất mặt tiền nằm trong chỉ giới giao thông đường P không được Nhà nước công nhận.

Năm 2023, chủ trương nhà nước làm đường P thuộc phường K, thành phố B, Ủy ban nhân dân phường K có mời hộ bà Phạm Thị Đ cùng các hộ dân khác phổ biến kế hoạch thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng.

Ngày 01/8/2023, hộ gia đình bà Phạm Thị Đ nhận được Thông báo thu hồi đất số 1121/TB-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B để thực hiện dự án: đường P (từ đường C đến hết phường K) – Giai đoạn 1 - diện tích dự kiến thu hồi 44,2m^2.

Theo bản Trích lục địa chính ngày 7/5/2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp cho Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố B xác định rõ thửa đất: 54, tờ bản đồ: 109, diện tích: 511,9m^2 diện tích dự kiến thu hồi: 158,6m^2

Tháng 7/2024, căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 16/5/2024 và Biên bản làm việc ngày 24/6/2024 về việc xác đinh diện tích đất thu hồi được công nhận và không được công nhận, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố B gửi cho hộ bà Phạm Thị Đào B tính dự thảo chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường P (từ đường C đến hết phường K) – Giai đoạn 1 (đợt 7) với tổng số tiền 1.144.267.542 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng), hộ bà Phạm Thị Đ không đồng ý với bảng tính chi tiết trên và đề nghị Trung tâm quỹ đất xem xét lại phần diện tích đất thu hồi vì đất này gia đình bà đã chuyển nhượng của người sử dụng đất trước năm 1975 trước thời điểm có dự án làm đường P.

Sau một tháng cán bộ đại diện Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đến làm việc lại và yêu cầu hộ bà Đ đồng ý nhận tiền nếu không sẽ áp dụng luật Đất

đai mới 2024 sẽ giảm tiền xuống không như ban đầu, hộ gia đình bà Đ không đồng ý vì cho rằng việc đền bù trên không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2024, U ban hành Quyết định số: 5789/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường P - (từ đường C đến hết phường K) - Giai đoạn 1 (đợt 7).

Ngày 17/09/2024, hộ bà Đ nhận được Thông báo số 120/TB-TTTPTQĐ của Trung tâm P về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường P (từ đường P - (từ đường C đến hết phường K) – Giai đoạn 1 (đợt 7), kèm theo bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất với số tiền 963.060.921 đồng (Chín trăm sáu mươi ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng).

Gia đình của bà Đ, ông N là một trong những hộ sinh sống đầu tiên ở đường P. Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 769408 trái quy định pháp luật khi gạch bỏ vô lý, không công nhận phần diện tích đất 151,5m^2 thuộc chỉ giới quy hoạch đường P mà hộ bà Đ đã chuyển nhượng, quản lý sử dụng từ trước khi có dự án; ban hành Quyết định số 5789/QĐ-UBND bồi thường không thoả đáng, không đúng thực tế đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà Đ.

Ngoài ra, về trình tự thủ tục thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố B không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với gia đình bà Đ nhưng lại thực hiện thủ tục chi trả tiền bồi thường là vi phạm nghiêm trọng pháp luật.

Từ các nội dung tôi đã trình bày như trên, tôi kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết như sau:

- Tuyên huỷ một phần Quyết định số: 5789/QĐ-UBND ngày 05/09/2024 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường P (từ đường C đến hết phường K) – Giai đoạn 1 (đợt 7) đối với hộ gia đình bà Phạm Thị Đ tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 109, địa chỉ số A P, phường K, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

- Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 769408 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho hộ bà Phạm Thị Đ ngày 27/5/2009.

- Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố B bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi, cây cối, hoa màu và tài sản trên đất.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 21/4/2025 người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B có ý kiến như sau:

- Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 27/5/2009, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769408, tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 109, diện tích 564,2m^2 đất, tại phường K, thành phố B cho hộ bà Phạm Thị Đ, đến ngày 12/7/2018 hộ bà Phạm Thị Đào T3 cho bà Trần Thị Thúy T4 166,5m^2 đất, diện tích đất còn lại của hộ bà Phạm Thị Đ đang sử dụng là 397,7m^2 sử dụng ổn định cho đến nay, không có đơn kiến nghị, khiếu nại về việc UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không có cơ sở xem xét giải quyết.

- Về công tác bồi thường, hỗ trợ:

+ Về đất: Nguồn gốc sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 109, phường K, thành phố B: Hộ bà Phạm Thị Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ dân tự khai hoang trước năm 1975. Đến ngày 27/5/2009 hộ bà Phạm Thị Đ được UBND thành phố B công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769408 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 109, diện tích 564,2m^2 đất, tại phường K, thành phố B. Đến ngày 12/7/2018 hộ bà Phạm Thị Đào T3 cho bà Trần Thị Thúy T4 166,5m^2 đất, diện tích đất còn lại của hộ bà Phạm Thị Đ đang sử dụng là 397,7m^2.

Diện tích đất đo đạc thực tế theo trích lục bản đồ địa chính để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng là 511,9m^2. Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án là 158,6m^2.

Ngày 05/9/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5789/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 6400/QĐ-UBND, ngày 04/10/2024 của UBND thành phố B về việc thu hồi 158,6m^2 đất (trong đó có 44,2m^2 đất ở đô thị, 114,4m^2 đất chỉ giới giao thông) của hộ bà Phạm Thị Đ, thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 109, phường K, thành phố B để thực hiện dự án đường P (từ đường C đến hết phường K) – Giai đoạn 1 (đợt 7). Theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Đối với diện tích 44,2m^2 đất ở đô thị của hộ bà Phạm Thị Đ đang sử dụng, theo quy định tại Điều 95, Điều 98, Luật đất đai năm 2024 đủ điều kiện bồi thường về đất ở.

Đối với diện tích 114,4m^2 đất chỉ giới giao thông của hộ bà Phạm Thị Đ đang sử dụng, theo quy định tại Điều 101, Luật đất đai năm 2024 không đủ điều kiện bồi thường.

+ Về tài sản trên đất: Đối với nhà ở: Số A, số 2 hộ bà Phạm Thị Đ xây dựng trên đất phục vụ sinh hoạt, không bị xử lý ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền, theo quy định tại Điều 102, Luật đất đai năm 2024 đủ điều kiện bồi thường về nhà ở.

Đối với vật kiến trúc hộ bà Phạm Thị Đ xây dựng trên đất ở phục vụ sinh hoạt, không bị xử lý ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 102, Luật đất đai năm 2024 đủ điều kiện bồi thường về vật kiến trúc.

Đối với vật kiến trúc hộ bà Phạm Thị Đ xây dựng trên đất chỉ giới giao thông theo quy định tại Điều 105, Luật đất đai năm 2024 không đủ điều kiện bồi thường về vật kiến trúc.

Đối với vật kiến trúc hộ bà Phạm Thị Đ xây dựng nằm ngoài diện tích đất thu hồi không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ.

Đơn giá bồi thường áp dụng theo Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Về cây cối, hoa màu:

Đối với cây cối, hoa màu của hộ bà Phạm Thị Đào T5 trên đất chỉ giới giao thông, theo quy định tại Điều 105, Luật đất đai năm 2024 không đủ điều kiện bồi thường.

Từ những căn cứ trên, việc bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn N khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định số 5789/QĐ-UBND, ngày 05/9/2024 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường P (từ đường C đến hết phường K) – Giai đoạn 1 (đợt 7) đối với hộ bà Phạm Thị Đ, tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 109, địa chỉ: A P, phường K, thành phố B; Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0769408 do UBND thành phố B cấp cho hộ bà Phạm Thị Đ ngày 27/5/2009; Buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi, cây cối, hoa màu và tài sản trên đất theo Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND và Quyết định số 10/2023 là không có cơ sở xem xét. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 195/2025/HCST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ, ông Trần Văn N về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769408 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 27/5/2009 cho hộ gia đình bà Phạm Thị Đ, ông Trần Văn N.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ, ông Trần Văn N: Tuyên hủy một phần Quyết định số 5789/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường P (từ đường C đến hết phường K) – Giai đoạn 1 (đợt 7) đối với hộ bà Phạm Thị Đ tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 109, phường K, thành phố B.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với các tài sản trên diện tích 114,4m^2 đất thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông của hộ bà Phạm Thị Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ, ông Trần Văn N về yêu cầu tuyên buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ về đất và bồi thường tài sản trên diện tích đất bị thu hồi 114,4m^2 thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Người khởi kiện là bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn N kháng cáo đề nghị sửa 1 phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà về yêu cầu tuyên buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ về đất và bồi thường tài sản trên diện tích đất bị thu hồi 114,4m^2 thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông.

Người bị kiện là chủ tịch UBND phường T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà Phạm Thị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định tố tụng;

Về nội dung: đề nghị bác kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của Người khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường diện tích đất 114,4m² và bồi thường thay vì hỗ trợ tài sản:

Về diện tích đất: diện tích 151,5m² (trong đó có 114,4m² bị thu hồi) đã được xác định nằm trong chỉ giới quy hoạch đường P theo các Quyết định từ năm 2002 và 2005. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 2009, cơ quan nhà nước đã xác định rõ phần diện tích này không được công nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 95 và Điều 101 Luật Đất đai 2024, do người sử dụng đất không có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất nằm trong quy hoạch đã công bố trước khi cấp GCNQSDĐ, nên không đủ điều kiện bồi thường về đất. Tòa án cấp sơ thẩm bác nội dung này là có căn cứ.

Người khởi kiện yêu cầu bồi thường thay vì hỗ trợ. Tuy nhiên, do các công trình xây dựng trên đất không có giấy phép và xây dựng trên đất hành lang giao thông, theo Điều 105 Luật Đất đai 2024, các tài sản này không đủ điều kiện bồi thường. Việc xem xét chuyển sang hình thức hỗ trợ là để đảm bảo quyền lợi thực tế cho người dân, không thể áp dụng hình thức bồi thường như đối với tài sản hợp pháp.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của N1 bị kiện về việc yêu cầu bác toàn bộ đơn khởi kiện, không chấp nhận hỗ trợ tài sản:

Mặc dù các tài sản của hộ bà Đ xây dựng trên đất quy hoạch hành lang giao thông, nhưng quá trình sử dụng đất cho thấy các công trình này (nhà cửa, vật kiến trúc) đã hình thành từ lâu (năm 1997, 2013). Trong suốt quá trình đó, UBND phường và các cơ quan quản lý trật tự xây dựng địa phương đã thiếu kiểm tra, không lập biên bản vi phạm hành chính, không ban hành quyết định cưỡng chế hay buộc tháo dỡ.

Theo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, việc UBND thành phố B áp dụng chính sách "không bồi thường, không hỗ trợ" là quá cứng nhắc, chưa đánh giá đúng lỗi hỗn hợp (trong đó có lỗi quản lý của chính quyền địa phương). Tòa án sơ thẩm áp dụng các quy định của Luật Đất đai 2024 và các chính sách hỗ trợ

khác để buộc người bị kiện phải lập phương án hỗ trợ là phù hợp với thực tế và đạo lý, nhằm ổn định đời sống cho người dân sau thu hồi đất. Do đó, kháng cáo của Người bị kiện yêu cầu bác toàn bộ đơn khởi kiện là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bản án sơ thẩm đã đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kháng cáo của Người khởi kiện không cung cấp được tình tiết mới chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích nằm trong chỉ giới quy hoạch. Kháng cáo của N1 bị kiện không đưa ra được căn cứ thuyết phục để phủ nhận trách nhiệm hỗ trợ đối với tài sản đã tồn tại lâu dài do sự quản lý của chính quyền. Vì vậy, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định; bà Đ, ông N là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Đ, ông Trần Văn N; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 195/2025/HCST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm:

2.1. Bà Phạm Thị Đ, ông Trần Văn N được miễn.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002520 ngày 15/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk (đã xong).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VCT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Dung